

Số: /KH-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ; Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030; Thông tư số 16/2019/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ; Chỉ thị số 117/CT-BNN-BVTV ngày 07/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tăng cường phát triển và sử dụng phân bón hữu cơ; Quyết định số 5317/QĐ-BNN-CBTTNS ngày 28/12/2020 về ban hành kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030, Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Kế hoạch Phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030, nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Nâng cao nhận thức các tổ chức, cá nhân về sản xuất nông nghiệp hữu cơ; tạo sự chuyển biến trong nhận thức cho người sản xuất nông nghiệp và người tiêu dùng về sản phẩm nông nghiệp sạch, bảo vệ môi trường và hệ sinh thái nông nghiệp;

- Phát triển nền nông nghiệp hữu cơ có giá trị gia tăng cao, bền vững, thân thiện với môi trường sinh thái, gắn với kinh tế nông nghiệp tuần hoàn phục vụ tiêu dùng trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu;

- Các ngành, các cấp tùy theo chức năng nhiệm vụ được phân công bám sát nội dung Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch này để đảm bảo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được giao phù hợp với nguyên tắc, yêu cầu và tình hình thực tiễn của địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

a. Đến năm 2025

- Thực hiện 09 mô hình liên kết chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đạt chứng nhận hữu cơ trên các đối tượng cây trồng, thủy sản chủ lực và tiềm năng của Tỉnh.

- Diện tích đất trồng trọt hữu cơ đạt khoảng trên 1% (khoảng 1.294 ha) tổng diện tích đất trồng trọt với các cây trồng chủ lực: lúa, rau đậu các loại, cây ăn quả, hoa kiểng.

- Diện tích nuôi trồng thủy sản hữu cơ đạt 75 ha trên các loài thủy sản chủ lực của tỉnh, có giá trị kinh tế như: tôm càng xanh, cá sặc rằn, ếch...

- Nâng cao hiệu quả sản xuất hữu cơ trên một đơn vị diện tích; giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản hữu cơ cao gấp 1,3 - 1,5 lần so với sản xuất phi hữu cơ.

- Tăng tỉ lệ sản phẩm phân bón hữu cơ trong tổng sản phẩm phân bón lên 10% năm 2025; tăng tỉ lệ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học lên trên 20% trong tổng lượng thuốc bảo vệ thực vật áp dụng trên đồng ruộng.

b. Đến năm 2030

- Diện tích đất trồng trọt hữu cơ đạt khoảng trên 1,5% (khoảng 3.298 ha) tổng diện tích đất trồng trọt với các cây trồng chủ lực.

- Diện tích nuôi trồng thủy sản hữu cơ đạt 365 ha trên các loài thủy sản chủ lực của tỉnh, có giá trị kinh tế như: tôm càng xanh, cá sặc rằn, ếch...

- Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản hữu cơ cao gấp 1,5 - 1,8 lần so với sản xuất phi hữu cơ.

- Tăng tỉ lệ sản phẩm phân bón hữu cơ trong tổng sản phẩm phân bón lên 15% năm 2030; tăng tỉ lệ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học lên trên 30% trong tổng lượng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) áp dụng trên đồng ruộng.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Quy hoạch xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung

- Căn cứ quy hoạch nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp và lợi thế về điều kiện sinh thái, sản phẩm có thế mạnh và thị trường tiêu thụ nhằm xác định các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chủ lực. Trên cơ sở đó tiến hành đánh giá đất đai, nguồn nước... để xác định, quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung. Trên cơ sở vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung, thực hiện kêu gọi các doanh nghiệp, các hợp tác xã và người dân đầu tư vào sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Xây dựng hệ thống phân phối theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ tại các vùng sản xuất hữu cơ tập trung. Ưu tiên kết hợp với du lịch, nông nghiệp sinh thái. Trên cơ sở đó, hoàn thiện các quy trình kỹ thuật và tập huấn, chuyển giao.

- Sử dụng vật liệu sẵn có, tái sử dụng, khép kín chu trình trong khu vực sản xuất tạo tiền đề cho sự phát triển nông nghiệp hữu cơ ổn định và phát kinh tế tuần hoàn (thông qua sử dụng sản phẩm từ trồng trọt làm thức ăn thủy sản và cung cấp nguyên liệu làm phân bón hữu cơ cho trồng trọt).

- Ưu tiên sử dụng các vùng có điều kiện đất đai, khí hậu thuận lợi cho từng đối tượng cây trồng, vật nuôi để sản xuất hữu cơ; lựa chọn loại cây trồng, vật nuôi và giống cây trồng, vật nuôi thích ứng tốt với điều kiện thổ nhưỡng, chống chịu sâu bệnh và có thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ.

- Hình thành vùng sản xuất các sản phẩm bản địa, đặc trưng có tiềm năng để xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý sản phẩm để đầu tư sản xuất hữu cơ (*Phụ lục 1, 2*). Bên cạnh đó, các huyện, thành phố dựa vào thế mạnh về cây trồng, vật nuôi trên địa bàn chủ động xây dựng kế hoạch phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ để đảm bảo chỉ tiêu chung đề ra của Tỉnh.

2. Quản lý nhà nước về nông nghiệp hữu cơ

2.1. Quản lý đầu vào của sản xuất hữu cơ

- Quản lý giống cây trồng và thủy sản hữu cơ được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ.

- Quản lý chặt chẽ vật tư đầu vào được sử dụng trong sản xuất hữu cơ như: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thủy sản, chất bảo quản, chất phụ gia...

- Quản lý nguồn nước sử dụng cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ như: nước tưới cho cây trồng, nước dùng cho nuôi trồng thủy sản...

- Quản lý các quy trình canh tác cây trồng hữu cơ, quy trình chăm sóc thủy sản hữu cơ.

2.2. Quản lý sản phẩm nông nghiệp hữu cơ

- Các sản phẩm nông sản có nhãn sử dụng cụm từ “hữu cơ”, sử dụng logo sản phẩm hữu cơ Việt Nam khi lưu thông trên thị trường phải được chứng nhận và ghi rõ thông tin theo quy định (khoản 2, Điều 11 của Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ).

- Thực hiện việc giám sát, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ và chất lượng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo quy định để đảm bảo chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn đã được chứng nhận khi lưu thông trên thị trường.

- Thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hữu cơ tại từng công đoạn sản xuất, kinh doanh theo hướng dẫn tại TCVN về nông nghiệp hữu cơ.

3. Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ

- Thực hiện các cơ chế chính sách đã ban hành về nông nghiệp hữu cơ (thực hiện các khoản 1, 2, 3 Điều 16 và khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 17 Chương VI về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ theo Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ).

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách, đặc biệt là khuyến khích doanh nghiệp, tư nhân đầu tư vào nông nghiệp hữu cơ; tạo điều kiện để các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đầu tư trong lĩnh vực này.

4. Đào tạo, tập huấn phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên sâu về sản xuất nông nghiệp hữu cơ làm nòng cốt, bố trí làm việc tại Tỉnh, mỗi đơn vị cấp huyện phân công ít nhất một cán bộ phụ trách.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ trong công tác quản lý, kiểm tra giám sát các tổ chức chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

- Đào tạo, tập huấn cho doanh nghiệp, người sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ về quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật, kỹ năng đánh giá, giám sát sản xuất, kỹ năng marketing và bán hàng...

- Nâng cao chất lượng, vai trò của các cơ sở giáo dục (trường trung học cơ sở, trung học phổ thông); các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các trường đại học trên địa bàn tỉnh trong công tác giáo dục - đào tạo về nông nghiệp hữu cơ cho học sinh, sinh viên và người lao động.

5. Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp hữu cơ

- Xây dựng và hoàn thiện quy trình kỹ thuật theo hướng ứng dụng công nghệ kết hợp với phát huy kiến thức bản địa, sản xuất hữu cơ gắn với chuỗi giá trị cho các sản phẩm chủ lực của Tỉnh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí đầu vào, giảm phát thải khí nhà kính.

- Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các chế phẩm sinh học, phân hữu cơ sinh học, tác nhân phòng trừ sinh học nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, thay thế kháng sinh trong nuôi trồng thủy sản; các chế phẩm sinh học xử lý môi trường nông nghiệp.

- Đánh giá thực trạng độ phì nhiêu đất, nhu cầu dinh dưỡng cho các cây trồng chủ lực phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ bền vững.

- Bảo tồn, phục tráng, khai thác, phát triển và xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể cho các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản bản địa, đặc hữu, có lợi thế so sánh và giá trị kinh tế cao.

- Nghiên cứu chọn tạo các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng, đặc biệt kháng sâu bệnh, phù hợp với sản xuất hữu cơ; nghiên cứu, phát triển và sử dụng con giống, vật tư đầu vào hữu cơ trong nuôi trồng thủy sản.

- Hỗ trợ người dân trong việc tiếp cận và ứng dụng các công nghệ hiện đại trong sản xuất và chế biến để tăng giá trị sản phẩm: công nghệ sấy thăng hoa, hệ thống giám sát, tưới tiêu tự động, công nghệ blockchain trong giám sát và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

6. Xây dựng và nhân rộng mô hình nông nghiệp hữu cơ

6.1. Lĩnh vực trồng trọt

- Triển khai thí điểm các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, xây dựng mô hình nông nghiệp hữu cơ theo liên kết chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm hữu cơ cho một số sản phẩm chủ lực, đặc sản có lợi thế của các địa phương và mô hình nghiên cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp hữu cơ, chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ tại.

- Xây dựng 06 mô hình về sản xuất, chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm trồng trọt hữu cơ (lúa, ớt, xoài, nhãn, cây có múi, hoa); hoàn thiện các quy trình kỹ thuật, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho nông dân (*Phụ lục 3*).

- Lựa chọn các đơn vị cung cấp vật tư nông nghiệp cùng tham gia thực hiện mô hình. Ưu tiên cơ sở sản xuất vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có sản phẩm đạt tiêu chuẩn theo quy định. Doanh nghiệp ký cam kết với cơ sở sản xuất

tham gia mô hình về việc cung cấp vật tư đảm bảo chất lượng, thực hiện tư vấn hướng dẫn kỹ thuật theo đúng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ.

- Cụ thể, xây dựng mô hình thí điểm sản xuất các loại cây trồng đạt chứng nhận theo các tiêu chuẩn hữu cơ. Hỗ trợ chứng nhận các mô hình thí điểm sản xuất cây trồng đạt tiêu chuẩn hữu cơ. Tùy theo tổ chức, cá nhân liên kết tiêu thụ đề nghị chứng nhận theo các tiêu chuẩn hữu cơ của Việt Nam hoặc Quốc tế.

6.2. Lĩnh vực thủy sản

- Xây dựng 03 mô hình thủy sản hữu cơ trên cá sặc rằn, tôm càng xanh và ếch được chứng nhận đạt các tiêu chuẩn hữu cơ theo tiêu chuẩn Việt Nam (*Phụ lục 3*).

- Tổ chức hội nghị đánh giá kết quả các mô hình để làm cơ sở nhân rộng cho các giai đoạn tiếp theo.

7. Thông tin tuyên truyền

- Truyền thông nâng cao nhận thức, hiểu biết của cộng đồng về nông nghiệp hữu cơ.

- Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và thực thi các chính sách, pháp luật, các tiêu chuẩn về nông nghiệp hữu cơ để tạo niềm tin cho người tiêu dùng trong sử dụng, nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp, người sản xuất và nhà quản lý về việc tuân thủ nghiêm ngặt quy trình sản xuất, giám sát, chứng nhận nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ.

- Tổ chức công bố vùng sản xuất nông nghiệp định hướng phát triển theo tiêu chuẩn hữu cơ tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030.

8. Bảo quản, chế biến và liên kết tiêu thụ sản phẩm hữu cơ

- Xây dựng các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm hữu cơ tại các vùng sản xuất tập trung tạo ra hàng hóa quy mô lớn đối với các sản phẩm chủ lực.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm và phát triển thị trường đối với sản phẩm nông nghiệp hữu cơ Việt Nam.

- Kêu gọi, khuyến khích các doanh nghiệp liên kết tiêu thụ, đưa các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ vào hệ thống các siêu thị, cửa hàng tiện ích và chuỗi cung ứng sản phẩm an toàn.

- Mời gọi các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh sản phẩm nông nghiệp an toàn, sản phẩm có chứng nhận để hỗ trợ liên kết tiêu thụ đối với những sản phẩm từ các mô hình nông nghiệp hữu cơ trong Tỉnh.

- Phối hợp với Hiệp hội hữu cơ Việt Nam triển khai Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn Tỉnh.

- Liên kết các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có tiêu thụ sản phẩm hữu cơ, nông sản an toàn hoặc thành lập mới các cửa hàng kinh doanh nông sản hữu cơ.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN (*Phụ lục 4*)

Tổng kinh phí dự trù thực hiện giai đoạn 2022 - 2025: 9.172.960.000 đồng. Nguồn kinh phí được lồng ghép từ các nguồn vốn:

- Vốn xã hội hóa của các doanh nghiệp, nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Vốn ngân sách thông qua việc hỗ trợ xây dựng các đề án, dự án, tư vấn kỹ thuật và cơ sở hạ tầng của các bộ ngành và lồng ghép từ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, kinh phí khoa học và công nghệ, khuyến nông, Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp, các dự án ODA và chương trình khoa học và công nghệ khác có liên quan.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

IV. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN (Phụ lục 2, 3 và 4)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN (Phụ lục 5)

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này; là đầu mối theo dõi, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch; định kỳ ngày 15/12 hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh; ban hành kế hoạch thực hiện hàng năm; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch.

2. Các sở, ngành, đơn vị liên quan; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Căn cứ các chỉ tiêu và nội dung được phân công tại Kế hoạch, các Sở, ngành, đơn vị liên quan; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chủ động xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn lực thực hiện.

- Định kỳ 6 tháng (trước ngày 20/5) và hàng năm (trước ngày 20/11) báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Định kỳ hàng năm, 03 năm tổ chức sơ kết, cuối giai đoạn tổng kết kết quả triển khai thực hiện.

Yêu cầu sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố khẩn trương phối hợp thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nội dung Kế hoạch nêu trên. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn, các đơn vị báo cáo về Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- Các Sở: NNPTNT; TNMT; YT; TC; KHCN; GDĐT; CT;
- TTXTTMDLĐT;
- Cục QLTT Đồng Tháp;
- Lãnh đạo VP/UBND Tỉnh;
- Trường ĐHĐT;
- Trường CDCĐĐT;
- UBND huyện, thành phố;
- Lưu VT, NC/KT(VA).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Minh Tuấn

Phụ lục 1
QUY HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRỒNG TRỌT HỮU CƠ
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Stt	Vùng sản xuất	Địa điểm (ấp, xã)	Qui mô 2022 - 2025 (ha)	Qui mô 2026 - 2030 (ha)	
I	Vùng sản xuất lúa hữu cơ		605	1.710	
1	Tân Hồng	Tổng	70	250	
		THT Tân Tiến, ấp Hoàng Việt, xã Tân Phước	20	50	
		Cả Mũi - Bắc Điện, ấp Thi Sơn, xã Tân Thành A	50	200	
2	Huyện Hồng Ngự	Ấp Bình Hòa Hạ, xã Thường Lạc	10	10	
3	Tam Nông	Tổng	300	1000	
		Ấp Hồng Kỳ, xã Phú Cường	100	250	
		Ấp Phú Lợi, xã An Long (ô bao số 4)	100	350	
		Ấp An Phú, xã An Long (ô bao số 5)	100	400	
4	Thanh Bình	Tổng	200	400	
		THT số 4, 6 và 7 - Ấp 2, xã Phú Lợi	100	200	
		HTX NN An Thạnh, Ấp Thị, xã An Phong	100	200	
5	Huyện Cao Lãnh	HTX Thuận Tiến, Ấp 5, xã Gáo Giồng	25	50	
II	Vùng sản xuất rau - màu hữu cơ		140	250	
1	Hồng Ngự	Tổng	40	40	
		Ấp Long Hòa, xã Long Thuận	30	30	
		Ấp Phú Hòa A, xã Phú Thuận A	10	10	
2	Tam Nông	Ấp K10 và Phú Nông, xã Phú Hiệp	10	40	Kiêu, Khoai môn
3	Thanh Bình	Tổng	30	50	
		Tổ hợp tác rau màu, ấp Tân Hội, xã Tân Bình	10	20	Rau, màu
		HTX NN Tân Long, Ấp Thạnh An, xã Tân Long	5	10	Rau, màu
		THT số 1, 2 Ấp Bắc, xã Tân Thạnh	15	20	Ớt
4	Châu Thành	Tổng	30	70	
		Ấp Phú An, An Hòa Nhì, xã Tân Bình	20	40	
		Ô bao số 1, Ấp Tân Quới, xã Tân Phú Trung	10	30	

Stt	Vùng sản xuất	Địa điểm (ấp, xã)	Qui mô 2022 - 2025 (ha)	Qui mô 2026 - 2030 (ha)	
5	Lấp Vò	Tổng	30	50	
		Xã Mỹ An Hưng B	20	30	Khoai môn
		Xã Mỹ An Hưng B	10	20	Ớt
III	Vùng sản xuất cây ăn trái hữu cơ		548	1.333	
1	Tam Nông	xã Phú Đức, xã Phú Hiệp	15	75	Thanh long ruột đỏ
2	Thanh Bình	Tổng	243	600	
		Tân Dinh Hội Quán, Ấp Tân Dinh, xã Tân Hòa	43	100	Xoài cát HL
		Đất Ngọt Hội quán, Ấp Tân Thới, xã Tân Quới	50	150	xoài
		Tân Mỹ Hội quán, Ấp 1, xã Tân Mỹ	50	100	xoài
		Tình quê Hội quán, Ấp Bình Trung, xã Bình Thành	100	250	xoài
3	Huyện Cao Lãnh	Tổng	30	60	
		Ấp 3, ấp 4-xã Mỹ Long	15	30	Chanh không hạt
		Ấp Mỹ Hưng Hoà, xã Mỹ Xương	5	10	xoài
		TXT xoài chú Bảy Hiệp Ấp Tây Mỹ, xã Mỹ Hội	5	10	xoài
		Ấp 2, xã Mỹ Hiệp	5	10	Ổi
4	Châu Thành	Tổng	65	140	
		HTX Nông sản an toàn An Hòa, xã An Nhơn	50	100	
		HTX Sầu riêng, xã Phú Hựu	10	30	
		ấp Tân Hòa, xã Tân Phú Trung	5	10	
5	Lai Vung	Tổng	55	160	
		Tân Thành, Vĩnh Thới	50	150	Quýt Đường, Cam Soàn
		Tiểu vùng 11, Ấp Long Hưng 2, xã Long Hựu	5	10	Quýt Hồng
6	TP Cao Lãnh	Tổng	140	298	
		xã Tịnh Thới	90	168	Xoài
		xã Tân Thuận Tây	20	100	Xoài
		ấp 1, xã Mỹ Ngãi	30	30	Xoài
IV	Sản xuất hoa kiểng hữu cơ		1	5	
1	TP Sa Đéc		1	5	

Stt	Vùng sản xuất	Địa điểm (ấp, xã)	Qui mô 2022 - 2025 (ha)	Qui mô 2026 - 2030 (ha)	
Cộng		<i>I. Vùng sản xuất lúa hữu cơ</i>	605	1.710	
		<i>II. Vùng sản xuất rau- màu hữu cơ</i>	140	250	
		<i>III. Vùng sản xuất cây ăn trái hữu cơ</i>	548	1.333	
		<i>IV. Vùng sản xuất hoa kiểng hữu cơ</i>	1	5	
		Tổng: I+II+III+IV	1.294	3.298	
		<i>V. Vùng thủy sản hữu cơ</i>	75	365	
	Tổng cộng diện tích		1.369	3.663	

Phụ lục 2
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DIỆN TÍCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Stt	Đối tượng sản xuất hữu cơ	Giai đoạn 2022 - 2025 (ha)					Đến năm 2030 (ha)	Địa phương thực hiện
		2022	2023	2024	2025	Tổng		
1	Cây lúa	20	100	150	335	605	1.710	Các huyện: Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Thanh Bình và Cao Lãnh; các thành phố: Cao Lãnh và Hồng Ngự
2	Cây rau màu	10	20	40	70	140	250	Các huyện: Tân Hồng, Hồng Ngự, Thanh Bình, Châu Thành, Lai Vung, Lấp Vò, Tam Nông, Tháp Mười và thành phố Cao Lãnh
3	Cây ăn trái	0	150	200	198	548	1.333	Các huyện: Tân Hồng, Cao Lãnh, Châu Thành, Lai Vung, Lấp Vò, Thanh Bình, Tháp Mười và thành phố Cao Lãnh
4	Hoa kiểng	0	1	0	0	1	5	Thành phố Sa Đéc
6	Thủy sản	6	10	20	39	75	365	Các huyện: Cao Lãnh, Hồng Ngự, Tháp Mười
Tổng cộng		36	281	410	642	1.369	3.663	

Phụ lục 3**DANH MỤC MÔ HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ GIAI ĐOẠN 2022 - 2025***(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

Stt	Tên mô hình	Quy mô	Sản phẩm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian dự kiến thực hiện
I	Sản xuất trồng trọt hữu cơ (06 mô hình)					
1	Xây dựng mô hình sản xuất lúa hữu cơ	02 mô hình, 10 - 20 ha/mô hình	Gạo hữu cơ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Tam Nông, Tháp Mười	2022 - 2023
2	Xây dựng mô hình sản xuất ớt hữu cơ	01 mô hình, 1-2 ha/mô hình	Ớt hữu cơ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Thanh Bình	2023 - 2024
3	Xây dựng mô hình sản xuất xoài hữu cơ	01 mô hình, 1 ha/mô hình	Xoài hữu cơ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND thành phố Cao Lãnh	2023 - 2025
4	Xây dựng mô hình sản xuất nhãn hữu cơ	01 mô hình, 1 ha/mô hình	Nhãn hữu cơ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Châu Thành	2023 - 2025
5	Xây dựng mô hình sản xuất cây có múi hữu cơ	01 mô hình, 1 - 2 ha/mô hình	Chanh không hạt, quýt Hồng hữu cơ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Cao Lãnh, Lai Vung	2023 - 2025
II	Sản xuất thủy sản hữu cơ (03 mô hình)					
1	Xây dựng mô hình nuôi tôm càng xanh hữu cơ	01 MH, diện tích: 05 ha; mật độ 5 con/m ²	Tôm hữu cơ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Cao Lãnh	2022
2	Mô hình nuôi cá sặc rằn thương phẩm hữu cơ	01 MH, diện tích: 01 ha; mật độ 5 con/m ²	Cá sặc rằn thương phẩm hữu cơ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Tháp Mười	2023
3	Mô hình nuôi ếch thương phẩm hữu cơ	01 MH, diện tích: 01 ha; mật độ 20 con/m ²	Ếch hữu cơ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Tháp Mười	2024

Phụ lục 4
DỰ TRÙ KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TỈNH ĐỒNG THÁP
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

DVT: đồng.

Stt	Nội dung	Phân kỳ kinh phí theo từng năm				Tổng cộng
		2022	2023	2024	2025	
1	Hội nghị triển khai thực hiện Kế hoạch Nông nghiệp hữu cơ tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022 - 2025	25.000.000				25.000.000
2	Đào tạo, tập huấn	195.700.000	195.700.000	180.000.000	180.000.000	751.400.000
3	Xây dựng Mô hình (MH) hữu cơ	2.451.772.000	2.822.000.000	1.870.068.000	1.197.720.000	8.341.560.000
3.1	Lúa (02 thực hiện và duy trì trong 2 năm liên tục)	902.332.000	902.332.000			1.804.664.000
3.2	Ốt (01 MH thực hiện và duy trì trong 2 năm liên tục)		279.900.000	242.100.000		522.000.000
3.3	Xoài (01 MH thực hiện và duy trì trong 3 năm liên tục)		399.240.000	399.240.000	399.240.000	1.197.720.000
3.4	Nhãn (01 MH thực hiện và duy trì trong 3 năm liên tục)		399.240.000	399.240.000	399.240.000	1.197.720.000
3.5	Cây có múi (01 MH thực hiện và duy trì trong 3 năm liên tục)		399.240.000	399.240.000	399.240.000	1.197.720.000
3.6	Tôm càng xanh (01 MH)	1.549.440.000				1.549.440.000
3.7	Cá sặc rằn (01 MH)		442.048.000			442.048.000
3.8	Ếch (01 MH)			430.248.000		430.248.000
4	Hội nghị sơ kết 3 năm thực hiện Kế hoạch Nông nghiệp hữu cơ tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022 - 2025			25.000.000		25.000.000
5	Hội nghị tổng kết thực hiện Kế hoạch Nông nghiệp hữu cơ tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022 - 2025				30.000.000	30.000.000
Tổng kinh phí		2.672.472.000	3.017.700.000	2.075.068.000	1.407.720.000	9.172.960.000

Phụ lục 5
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Stt	Đơn vị chủ trì	Nội dung thực hiện
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Chủ trì, phối hợp sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp hữu cơ; ban hành kế hoạch thực hiện từng năm.
		- Chủ trì đề xuất và xây dựng các cơ chế, chính sách cần thiết liên quan đến nông nghiệp hữu cơ.
		- Xây dựng kế hoạch thực hiện các mô hình phát triển nông nghiệp hữu cơ.
		- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, tập huấn và hướng dẫn các nội dung liên quan đến Kế hoạch. - Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh việc triển khai thực hiện Kế hoạch.
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Phối hợp với các sở, ngành và địa phương đánh giá, xác định vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ; quy định việc thực hiện các yêu cầu về sử dụng, khai thác hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, lồng ghép công tác bảo tồn với việc phát triển vùng nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn Tỉnh.
		- Nghiên cứu đề xuất các biện pháp thúc đẩy tái sử dụng chất thải, phế phụ phẩm hữu cơ trở thành nguyên liệu sản xuất, hạn chế vứt bỏ, lãng phí và gây ô nhiễm môi trường.
3	Sở Y tế	- Thực hiện quản lý nhà nước đối với sản xuất, kinh doanh dược liệu hữu cơ, mỹ phẩm hữu cơ, thực phẩm hữu cơ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định. Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương triển khai nội dung thanh tra, truy xuất nguồn gốc làm minh bạch sản phẩm hữu cơ.
		- Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan tổ chức nghiên cứu và ứng dụng công nghệ phát triển các sản phẩm y học cổ truyền, thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ nguyên dược liệu hữu cơ, các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chất lượng dinh dưỡng cao và giá trị sinh học đặc thù đáp ứng nhu cầu phòng bệnh và nâng cao sức khỏe.
4	Sở Tài chính	- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan góp ý xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ.
		- Thẩm định kinh phí từ đề xuất phân khai vốn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.
		- Hướng dẫn thủ tục thanh toán, quyết toán theo quy định hiện hành.
5	Sở Khoa học và Công nghệ	- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, mô hình điểm phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ trong các Chương trình khoa học và công nghệ.
		- Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức cá nhân đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp, trong đó ưu tiên các sản phẩm nông sản hữu cơ.

Stt	Đơn vị chủ trì	Nội dung thực hiện
		- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ theo Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh.
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Phối hợp triển khai bồi dưỡng kiến thức về sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho học sinh tại các trường học phổ thông; từng bước đưa nông sản hữu cơ vào bếp ăn tập thể của các trường học trong Tỉnh. - Triển khai đưa nông sản hữu cơ vào bếp ăn tập thể của các trường học.
7	Sở Công Thương	- Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hội quán, hộ dân sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản hữu cơ đầu tư, cải tiến trang thiết bị, máy móc, tư vấn phát triển bao bì, nhãn hiệu, đề nâng cao giá trị sản phẩm, xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, thông qua các chính sách khuyến công, xúc tiến thương mại, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, bao bì, nhãn hiệu, thương mại điện tử. - Kết nối tiêu thụ những sản phẩm từ các mô hình nông nghiệp hữu cơ trong Tỉnh với các hệ thống phân phối như: siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi, chuỗi sản phẩm cung ứng an toàn, cửa hàng nông sản an toàn, doanh nghiệp chế biến nông sản trong và ngoài Tỉnh.
8	Trung tâm Xúc tiến Thương mại, Du lịch và Đầu tư	Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Tỉnh các chính sách xúc tiến về thương mại sản phẩm hữu cơ; tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại sản phẩm hữu cơ trên địa bàn Tỉnh, thực hiện công tác hỗ trợ tư vấn cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tìm cơ hội đầu tư sản xuất kinh doanh sản phẩm hữu cơ trên địa bàn Tỉnh theo quy định của pháp luật.
9	Cục Quản lý thị trường Đồng Tháp	- Thực hiện quản lý thị trường đối với sản phẩm hữu cơ. - Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ lưu thông trên thị trường.
10	Trường Đại học Đồng Tháp, Trường Cao đẳng cộng đồng Đồng Tháp	- Phối hợp triển khai, đào tạo về sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho sinh viên theo học tại trường. - Xây dựng khung chương trình đào tạo chính quy cho sinh viên về môn học nông nghiệp hữu cơ.
11	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	- Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sở, ngành, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch phát triển diện tích nông nghiệp hữu cơ cấp huyện, trên cơ sở kế hoạch của cấp tỉnh, đảm bảo mục tiêu đề ra ở từng giai đoạn. - Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn.